

Bản án số: 13/2020/HS-ST

Ngày 12 - 5 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Cao Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Hồng Đông
Bà Bùi Thị Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2020/TLST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. BÙI VĂN H₁, sinh ngày 11 tháng 11 năm 1996 tại Lạc Sơn - Hòa Bình. Nơi cư trú: Xóm C, xã T, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn S và bà Bùi Thị N; Bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/11/2019, tạm giam từ ngày 25/11/2019. Có mặt tại phiên tòa.

2. BÙI VĂN H₂, sinh ngày 03 tháng 5 năm 2000 tại Lạc Sơn - Hòa Bình. Nơi cư trú: Xóm S, xã T, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn H₃ và bà Bùi Thị C; Bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/11/2019, tạm giam từ ngày 23/11/2020. Có mặt tại phiên tòa.

3. BÙI VĂN N, sinh ngày 05 tháng 01 năm 2000 tại Lạc Sơn - Hòa Bình. Nơi cư trú: Xóm C, xã T, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn K và bà Bùi Thị H₁; Bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/11/2019, tạm giam từ ngày 23/11.2020. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo:

Ông Vũ Đình Hùng - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hòa Bình bào chữa cho bị cáo Bùi Văn H₂.

Ông Bùi Văn Mạnh- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hòa Bình bào chữa cho bị cáo Bùi Văn N.

- Bị hại trong vụ Cướp giật tài sản: Chị Bùi Thị H₂, sinh năm 1988. Trú tại: Xóm L, xã T, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

- Bị hại trong vụ Trộm cắp tài sản: Anh Bùi Minh V, sinh năm 1997. Trú tại: Xóm M, xã V, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ Cướp giật tài sản:

Anh Bùi Văn M, sinh năm 1993. Trú tại: Xóm Đ, xã Q, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1984. Trú tại: Phố Đ, thị trấn V, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

Ông Bùi Văn H₃, sinh năm 1975. Trú tại: Xóm S, xã T, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

Ông Bùi Văn K, sinh năm 1978. Trú tại: Xóm C, xã T, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

Bà Bùi Thị N, sinh năm 1969. Trú tại: Xóm Ch, xã T, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ Trộm cắp tài sản:

Anh Bùi Xuân T, sinh năm 1986. Trú tại: Phố C, xã H, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

Anh Phạm Như D, sinh năm 1986. Trú tại: Phố R, xã Â, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- Những người làm chứng trong vụ Cướp giật tài sản:

Anh Bùi Văn Tr, sinh năm 1994. Trú tại: Xóm M, xã V, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

Anh Nguyễn Trung K, sinh năm 1987. Trú tại: Xóm M, xã V, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

Anh Bùi Văn C, sinh năm 1983. Trú tại: Xóm V, xã N, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- Những người làm chứng trong vụ Trộm cắp tài sản:

Bùi Văn H₂, sinh năm 2000. Trú tại: Xóm S, xã T, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Có mặt. *(Là bị cáo trong vụ Cướp giật tài sản)*

Anh Bùi Văn H₄, sinh năm 1990. Trú tại: Xóm C, xã T, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

Anh Phạm Minh N, sinh năm 1981. Trú tại: Xóm T, xã T, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

Anh Bùi Tuấn A, sinh năm 2002. Trú tại: Xóm L, xã T, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 08 giờ 30 phút, ngày 17/11/2019, Bùi Văn H₂ điều khiển xe mô tô BKS 28N1-066.xx chở theo Bùi Văn N và Bùi Văn H₁ đi đến xã Nhân Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình nhằm mục đích cầm cố Biển kiểm soát xe mô tô 28N1-066.xx để lấy tiền chi tiêu cá nhân. Khi đi đến địa phận xóm Tôm, xã Tân Lập, huyện Lạc Sơn thì H₁ ngồi sau xe do H₂ điều khiển, nhìn thấy chị Bùi Thị H₂ đang điều khiển xe mô tô đi phía trước có để 01 điện thoại di động trong túi quần sau bên trái có hở một phần điện thoại ra phía ngoài. Nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản, H₁ liền nói với H₂ và N là “Nhìn điện thoại này dễ lấy quá” rồi bảo H₁ lái xe áp sát phía sau xe chị H₂ để H₂ giật điện thoại. Nghe H₂ nói vậy, cả H₁ và N đều đồng ý. Tuy nhiên, lúc này có nhiều người và phương tiện tham gia giao thông, phía trước lại có xe tải dài đang lưu thông cùng chiều, thấy không thuận lợi cho việc tẩu thoát sau khi gây án nên H₂ và N nói với H₁ “Có ô tô, sợ giật lúc này không chạy được”. Cả ba cùng thống nhất chưa thực hiện lúc này. Sau đó, H₂ điều khiển xe chở H₁ và N vượt lên trước xe chị H₂, đi đến khu vực gần Nhà văn hóa Mường Vang, xã Nhân Nghĩa thì H₂ dừng xe cho H₁ xuống để vào hiệu thuốc tân dược mua 03 xi-lanh, 01 lọ nước cất và đứng chờ ở đó. H₁ tiếp tục điều khiển xe mô tô đưa N đến khu vực Chợ Vó, xã Nhân Nghĩa để cầm cố biển kiểm soát xe nhưng không được. Khi đang đứng ở mép đường nhựa thì N lại nhìn thấy chị H₂ đi xe mô tô qua, trong túi quần phía sau của chị H₂ vẫn để điện thoại di động hở một phần ra ngoài. N đã chỉ cho H₂, H₂ liền chở N đuổi bám theo chị H₂. Đến địa phận xóm Tiên Phong, xã Nhân Nghĩa thì H₂ tăng tốc độ đi áp sát phía sau bên trái xe chị H₂, N ngồi phía sau dùng tay phải giật lấy chiếc điện thoại di động để sau túi quần bên trái của chị H₂. Lấy được tài sản, H₂ chở N tẩu thoát vào khu vực xử lý rác thải thuộc địa phận xóm Vó Dò, xã Nhân Nghĩa và bảo N trốn ở khu vực đồi keo gần đó và H₂ quay trở lại đón H₁. Gặp được H₁, H₂ nói cho H₁ biết việc H₂ và N vừa cướp được chiếc điện thoại của chị H₂. Nghe xong, H₁ rủ H₂ đi tìm nơi tiêu thụ tài sản vừa chiếm đoạt được. H₂ và H₁ đi đến chỗ N trốn. Gặp N, H₁ bảo N đưa chiếc điện thoại vừa chiếm đoạt cho H₁ cầm. H₂ điều khiển xe mô tô đưa N và H₁ đến chợ Vụ Bản, huyện Lạc Sơn vào cửa hàng điện thoại của anh Nguyễn Ngọc T bán cho anh T chiếc điện thoại vừa chiếm đoạt được 600.000 (*Sáu trăm nghìn*) đồng. Cả ba dùng số tiền trên chi tiêu cá nhân hết. Khoảng 12 giờ cùng ngày, cả ba quay về nhà anh Bùi Thanh D ở xóm D, xã Q để chơi. Trên đường đi cả ba cùng gặp anh Bùi Tuấn A và rủ A cùng vào nhà D chơi. Đến cổng nhà D, H₂ bảo A và N mang xe mô tô BKS 28N1-066.xx trả cho anh Bùi Văn M. Sau khi bị chiếm đoạt tài sản, chị Bùi Thị H₂ đã trình báo cơ quan công an. Đến 17 giờ

cùng ngày, Bùi Văn H₂, Bùi Văn N đã đến cơ quan công an đầu thú. Bùi Văn H₁ bị bắt khẩn cấp ngày 20/11/2019.

Vật chứng thu giữ và quá trình xử lý vật chứng: Vật chứng thu giữ là 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Oppo A39 màu vàng đã qua sử dụng, Imel 1: 863654039594xxx, Imel 2: 863654039594xxx. Hiện cơ quan điều tra đã xử lý bằng biện pháp trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Bùi Thị H₂.

Tại kết luận định giá tài sản số 46/ĐG-HĐĐG, ngày 22/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lạc Sơn kết luận: Chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Oppo A39 màu vàng đã qua sử dụng, Imel 1: 863654039594xxx, Imel 2: 863654039594xxx có giá trị còn lại là 1.500.000 (*Một triệu, năm trăm nghìn*) đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 08 giờ 30 phút, ngày 02/11/2019, Bùi Văn H₁ cùng Bùi Văn H₄, Bùi Văn H₂ đi từ nhà Bùi Văn H₄ bằng xe mô tô của gia đình Bùi Văn H₂ đến quán Internet của Phạm Minh N ở xóm T, xã T, huyện Lạc Sơn. Đến nơi, Hòa nhìn thấy xe mô tô BKS 28N1-342.xx của anh Bùi Minh V dựng trước quán, trên xe vẫn còn chìa khóa ở ổ khóa điện. H₁, H₂, H₄ vào quán chơi game có gặp V đang chơi game trong quán. Đến 12 giờ cùng ngày, H₂, H₂, H₄ dừng chơi game cùng nhau đi đến khu vực chợ Vó, xã Nhân Nghĩa chơi. Đến 14 giờ cùng ngày, cả ba lại quay lại quán của anh N để tiếp tục chơi game. Lúc này, H₂ dừng xe ở mép đường đối diện quán anh N, H₁ quan sát thấy xe mô tô của anh V vẫn để vị trí cũ, trên xe vẫn cắm chìa khóa ở ổ khóa điện nên nảy sinh ý định trộm cắp. H₁ nói với H₂ và H₄ là "sẽ trộm cắp chiếc xe mô tô BKS 28N1-342.xx kia", đồng thời nhờ H₂ và H₄ về nhà lấy chứng minh nhân dân giúp H₁ để cầm cố xe sau khi trộm cắp được. Nghe vậy, H₂ khuyên H₁ đừng trộm cắp tài sản nhưng H₁ không nghe nên H₂ và H₄ không nói gì thêm nữa mà điều khiển xe bỏ đi về hướng xã Tuân Đạo, huyện Lạc Sơn. Lúc này còn lại một mình, H₁ tiến đến xe mô tô 28N1-342.xx lấy chìa khóa mở cốp xe thấy có 01 ví màu nâu, bên trong có 01 chứng minh nhân dân; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 28N1-342.xx; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe mô tô, xe máy; 01 giấy tiếp nhận điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện. Tất cả giấy tờ trên đều mang tên Bùi Minh V. Sau đó, H₁ lấy xe mô tô BKS 28N1-342.xx và tẩu thoát về hướng xã Yên Phú, huyện Lạc Sơn. Đến địa phận xã Yên Phú, đợi mãi không thấy H₂ và H₄ mang chứng minh nhân dân đến cho mình nên H₁ tự quay về nhà lấy chứng minh nhân dân của mình rồi đem xe vừa trộm cắp đi cầm cố tại cửa hàng cầm đồ của Bùi Xuân T được số tiền 8.000.000 (*Tám triệu*) đồng. Ngày 11/11/2019, H₁ mang tiền trả T rồi lấy xe mô tô trên đi cầm cố tại cửa hàng cầm đồ của Phạm Như D được 10.000.000 (*Mười triệu*) đồng. Ngày 12/11/2019, H₁ đến bán luôn xe mô tô BKS 28N1-342.xx cho Phạm Như D với giá 11.200.000 (*Mười một triệu, hai trăm nghìn*) đồng và dùng tiền chi tiêu cho cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ và quá trình xử lý vật chứng: Vật chứng thu giữ là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave @ màu trắng – đen - bạc đã qua sử dụng, BKS 28N1-342.xx, vành đúc, xe không còn gương chiếu hậu hai bên; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe mô tô, xe máy số XM 190633xxx; 01 giấy tiếp nhận điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện do Trung tâm y tế huyện Lạc Sơn cấp tháng 10/2019. Các giấy tờ đều mang tên Bùi Minh V; 01 ví màu nâu

đã qua sử dụng. Các vật chứng nêu trên đã được Cơ quan điều tra trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là Bùi Minh V. Đối với chứng minh nhân dân mang tên Bùi Minh V, bị cáo H₁ đã làm rơi trên đường, không truy tìm được.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Bùi Thị H₂, anh Bùi Minh V đều đã nhận lại được tài sản và không có yêu cầu gì đối với các bị cáo. Anh Nguyễn Ngọc T đã được gia đình các bị cáo bồi hoàn số tiền 600.000 đồng và cũng không có ý kiến gì đối với các bị cáo. Anh Phạm Như D có yêu cầu bị cáo Bùi Văn H₁ bồi thường khoản tiền 11.200.000 đồng bỏ ra mua xe từ bị cáo H₁.

Tại Bản cáo trạng số 10/CT-VKS ngày 10/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình đã truy tố bị cáo Bùi Văn H₁, Bùi Văn H₂ và Bùi Văn N về tội Cướp giật tài sản theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015; truy tố bị cáo Bùi Văn H₁ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Đối với Bùi Văn M là người cho bị cáo H₂ mượn xe mô tô BKS 28N1-066.xx đi cướp giật tài sản nhưng khi cho mượn, M không biết ý định của H₂ đi gây án nên không đề cập xử lý. Đối với Bùi Tuấn A là người mang xe 28N1-066.xx đi trả cho M nhưng A không tham gia cướp, không biết các bị cáo vừa dùng xe mình đi trả để đi cướp giật tài sản. Đối với Bùi Thanh D là người tổ chức ăn uống tại nhà sau khi các bị cáo gây án nhưng D không biết, không được bàn bạc, tham gia. Đối với Bùi Xuân T, Phạm Như D là người nhận cầm cố xe nhưng không biết xe các bị cáo cầm cố là tài sản do phạm tội mà có. Đối với Bùi Văn H₄, Bùi Văn H₂ là người biết ý định trộm cắp của H₁ nhưng không tham gia. Do đó, cáo trạng không đề cập xử lý đối với những người này.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố, tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo. Xác định tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo trong vụ cướp giật tài sản là các bị cáo đã có ý thức tác động gia đình bồi hoàn, khắc phục hậu quả; các bị cáo đều thành khẩn khai báo; là người dân tộc thiểu số sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Bùi Văn H₁ từ 42 tháng đến 48 tháng tù về tội Cướp giật tài sản, xử phạt từ 12 đến 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; xử phạt bị cáo Bùi Văn H₂, Bùi Văn N từ 42 tháng đến 48 tháng tù về tội Cướp giật tài sản. Về tang vật của vụ án: Đối với nhưng tài sản đã được Cơ quan điều tra thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu là hợp pháp nên không đề nghị xem xét. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Bùi Văn H₁ phải bồi thường cho anh Phạm Như D khoản tiền 11.200.000 đồng anh D đã bỏ ra mua xe từ bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Như D giữ nguyên yêu cầu của mình về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo Bùi Văn H₁; yêu cầu Bùi Văn H₁ phải bồi thường lại khoản tiền 11.200.000 đồng. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không có yêu cầu gì đối với các bị cáo.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng phản ánh; các bị cáo nhận tội, không kêu oan và đều xin giảm nhẹ hình phạt. Bị

cáo Bùi Văn H₁ chấp nhận mức bồi thường cho anh Phạm Như D như anh D yêu cầu. Bị cáo Bùi Văn H₂, Bùi Văn N xin được miễn án phí.

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn H₂, Bùi Văn N đều đồng thuận với nội dung cáo trạng, đồng thuận với các tình tiết giảm nhẹ Kiểm sát viên đưa ra. Người bào chữa cho bị cáo N còn cho rằng các bị cáo cướp giật chiếc điện thoại trị giá 1.500.000 đồng nên gây hậu quả không lớn theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Cả hai người bào chữa đều đề Hội đồng xét xử áp dụng thêm cho các bị cáo H₂ và N tình tiết giảm nhẹ gia đình có công, các bị cáo đầu thú. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự 2015 để quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho cả hai bị cáo; xử phạt mỗi bị cáo từ 30 đến 36 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lạc Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố những người tham gia tố tụng không có khiếu nại, tố cáo hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

[2] *Về căn cứ xác định tội danh, điều luật áp dụng đối với các bị cáo*: Đối với tội Cướp giật tài sản: Ngày 17/11/2019 Bùi Văn H₁, Bùi Văn H₂ và Bùi Văn N đã lợi dụng sự sơ hở, thiếu cảnh giác của chủ sở hữu tài sản, nhanh chóng chiếm đoạt tài sản và nhanh chóng tẩu thoát. Tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 01 chiếc điện thoại di động có trị giá 1.500.000 đồng. Các bị cáo đã dùng xe mô tô áp sát bị hại cũng đang điều khiển xe mô tô là nguồn nguy hiểm cao độ; việc gây án của các bị cáo có thể gây nguy hiểm cho bị hại. Do vậy, hành vi của các bị cáo là thủ đoạn nguy hiểm theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự 2015. Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tang vật thu giữ. Do vậy, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Bùi Văn H₁, Bùi Văn H₂, Bùi Văn N đã phạm tội “Cướp giật tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự 2015. Cáo trạng truy tố các bị cáo theo tội danh, điều khoản luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Đối với tội Trộm cắp tài sản: Ngày 02/11/2019, Bùi Văn H₁ đã lén lút, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản, chiếm đoạt chiếc xe mô tô BKS 28N1-342.xx có trị giá là 13.833.000 (*Mười ba triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn*) đồng. Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tang vật thu giữ. Giá trị tài sản trộm cắp nằm trong khoảng từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng. Do vậy, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Bùi Văn H₁ đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy

định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng truy tố bị cáo Bùi Văn H₁ theo tội danh, điều khoản luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, năng lực chịu trách nhiệm hình sự của các bị cáo:* Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo có nhận thức và hiểu biết pháp luật nhưng coi thường pháp luật. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi phạm pháp nêu trên là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động nên vẫn cố ý thực hiện. Do vậy, cần áp dụng đối với các bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo, đồng thời để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] *Về cá thể hóa trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo trong vụ Cướp giật tài sản:* Trong vụ án các bị cáo đã cùng nhau thực hiện tội phạm. Tuy nhiên, các bị cáo nảy sinh ý định phạm tội tức thì, không có sự bàn bạc từ trước, không có phân công phân nhiệm, kế hoạch rõ ràng nên chỉ đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này Bùi Văn H₁ có vai trò khởi xướng; chính H₁ là người phát hiện sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản, nói cho H₂ và N biết và xúi giục H₂ và N cùng tham gia thực hiện. Việc H₁ không trực tiếp tham gia cướp giật là do tình trạng giao thông cản trở việc thực hiện tội phạm ngay lúc đó nên chưa thực hiện được chứ không phải trường hợp nửa chừng chấm dứt hành vi phạm tội. Sau đó chính H₁ là người chủ động trong việc tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có. Do đó, Bùi Văn H₁ phải chịu trách nhiệm hình sự ở mức cao hơn hai bị cáo H₂ và N. Đối với H₂ và N là hai đồng phạm tích cực với vai trò giúp sức và thực hiện; H₂ điều khiển xe mô tô còn N trực tiếp giật điện thoại. Do đó, các bị này cũng phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi phạm tội của mình.

[5] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:* Trong vụ án Cướp giật tài sản, các bị cáo đã tác động để gia đình các bị cáo bồi hoàn, khắc phục hậu quả. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngoài ra, xét các bị cáo là người dân tộc thiểu số và sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo H₂, H₁ đã đầu thú và gia đình có công nên Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc giảm nhẹ trách nhiệm hình cho các bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Về ý kiến người bào chữa cho rằng các bị cáo cướp giật chiếc điện thoại có giá trị chỉ 1.500.000 đồng nên phạm tội nhưng gây hậu quả không lớn theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, Hội đồng xét xử thấy rằng hậu quả của hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ Cướp giật tài sản không chỉ là hậu quả về vật chất mà còn tiềm ẩn những hậu quả khác về tính mạng, sức khỏe của bị hại; các bị cáo đã dùng thủ đoạn nguy hiểm để thực hiện hành vi phạm tội nên không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ này. Về đề nghị của những người bào chữa đề nghị áp dụng cho bị cáo H₂ và bị cáo N mức hình phạt dưới khung, Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù các bị cáo này có 2 tình tiết giảm nhẹ được

quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 và có thể được áp dụng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhưng xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện, việc áp dụng mức hình phạt dưới khung đối với các bị cáo này sẽ không bảo đảm tính giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015.

[6] *Về tang vật của vụ án*: Tang vật của vụ án đã được Cơ quan điều tra trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với chứng minh nhân dân tên anh Bùi Minh V đã mất, Cơ quan điều tra không truy tìm được nên không có cơ sở xem xét.

[7] *Về trách nhiệm dân sự*: Các bị hại Bùi Thị H₂, Bùi Minh V không có yêu cầu đối với các bị cáo về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Như D có yêu cầu bị cáo Bùi Văn H₁ phải bồi thường số tiền 11.200.000 đồng anh D bỏ ra mua xe từ bị cáo. Xét, anh D bỏ số tiền trên mua xe mô tô 28N1-342.xx từ bị cáo H₁ là ngay tình, không biết đó là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có. Do đó, cần buộc bị cáo Bùi Văn H₁ phải bồi thường cho anh Phạm Như D khoản tiền 11.200.000 (Mười một triệu, hai trăm nghìn) đồng là có căn cứ.

[8] *Về án phí*: Bị cáo là người bị kết án, bị buộc trách nhiệm dân sự nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xét các bị cáo Bùi Văn H₂, Bùi Văn N sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đề nghị miễn án phí nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét miễn án phí cho bị cáo theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 1 Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 đối với các bị cáo Bùi Văn H₁, Bùi Văn H₂, Bùi Văn N;

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo Bùi Văn H₁;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Văn H₁ phạm tội “Cướp giật tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Bùi Văn H₂, Bùi Văn N phạm tội “Cướp giật tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Bùi Văn H₁ 44 (Bốn mươi bốn) tháng tù về tội Cướp giật tài sản; 12 (Mười hai) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt: Bị cáo Bùi Văn H₁ phải chịu mức hình phạt chung của hai tội danh là 56 (Năm mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 20/11/2019.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn H₂ 42 (Bốn mươi hai) tháng tù về tội Cướp giật tài sản, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 17/11/2019.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn N 42 (Bốn mươi hai) tháng tù về tội Cướp giật tài sản, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 17/11/2019.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 5 Điều 275, Điều 280 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Bùi Văn H₁ có nghĩa vụ bồi thường cho anh Phạm Như D số tiền 11.200.000 (*Mười một triệu, hai trăm nghìn*) đồng là thiệt hại do hành vi phạm tội Trộm cắp tài sản của bị cáo gây.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của khoản tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Bùi Văn H₁ phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 650.000 đồng án phí dân sự. Miễn cho bị cáo Bùi Văn H₂, Bùi Văn N mỗi bị cáo 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- Công an huyện Lạc Sơn;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS huyện Lạc Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

Phạm Cao Sơn

